

KINH TẾ VI MÔ

PGS. TS. Trần Thị Lan Hương
SĐT 035 8 515 255

C.1 TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ HỌC

Giới thiệu về Kinh tế học

Các vấn đề kinh tế cơ bản và cơ chế kinh tế

Công cụ phân tích kinh tế

Lý thuyết lựa chọn kinh tế

1. Kinh tế học (Economics)

- Khoa học nghiên cứu cách thức con người sử dụng nguồn lực (tài nguyên) khan hiếm, có ích vào việc sản xuất ra hàng hóa, dịch vụ và phân phối thành quả cho các thành viên của xã hội.

ĐT: Khoa học nghiên cứu về sự khan hiếm, cơ chế phân bổ nguồn lực khan hiếm cho các mục tiêu cạnh tranh

Khoa học nghiên cứu hành vi của chủ thể trong việc ra các quyết định kinh tế trong lĩnh vực sản xuất và trao đổi

Các chủ thể ra QĐ gồm: Hộ gia đình (houshold), hãng kinh doanh (firm) và chính phủ (government)

Các thuật ngữ

Khan hiếm (Scarcity), đối tượng nghiên cứu

Hàng hoá (goods) khan hiếm và miễn phí

Dịch vụ (services)

Tài nguyên (resources) gồm:

Tài nguyên thiên nhiên

Tài nguyên con người

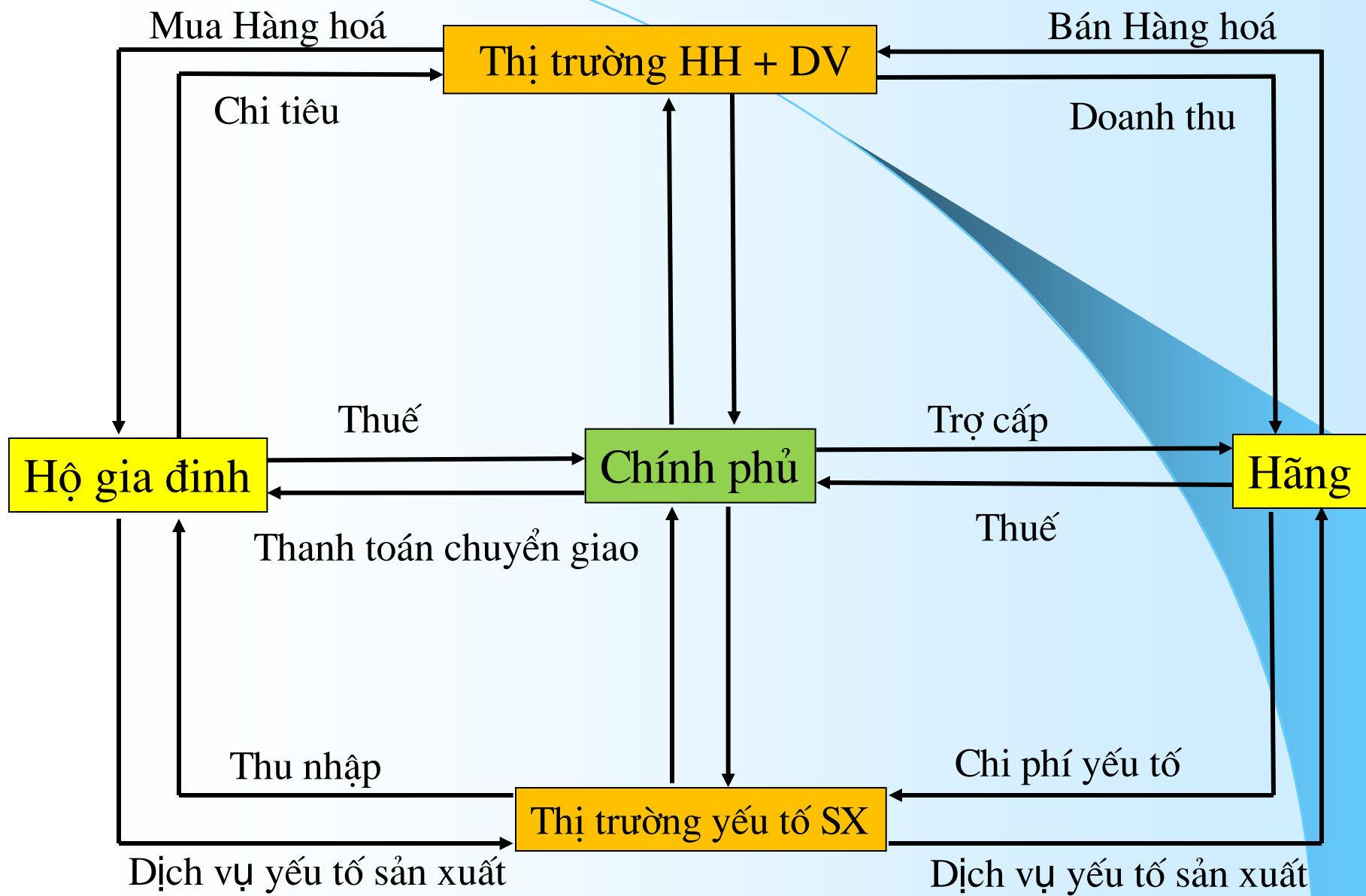
Tài nguyên tư bản

MÔ HÌNH KINH TẾ VÀ CÁC CHỦ THỂ RA QUYẾT ĐỊNH TRONG NỀN KINH TẾ

- | | |
|--------------------|---------------------|
| 1. Người sản xuất | 3. Chính Phủ |
| 2. Người tiêu dùng | 4. Người nước ngoài |

Mô hình kinh tế gồm có:

1. Kinh tế truyền thống
2. Kinh tế thị trường tự do
3. Kinh tế chỉ huy
4. Kinh tế hỗn hợp



- **Kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô**

- Kinh tế học vĩ mô (Macroeconomics) nghiên cứu và giải quyết các vấn đề của nền kinh tế tổng thể: Gr, gp, U, EB
- Kinh tế vi mô (Microeconomics) nghiên cứu hành vi và cách thức ra QĐ của các thành viên (các đơn vị kinh tế).

- **Kinh tế thực chứng và kinh tế chuẩn tắc**

- Kinh tế học thực chứng nghiên cứu mối liên hệ bên trong của nền kinh tế dựa trên sự tác động của các quy luật kinh tế khách quan, là khoa học phân tích lý luận
- Kinh tế học chuẩn tắc đưa ra những khuyến nghị, phân tích dựa trên ý kiến cá nhân, đưa ra khuyến nghị nên hoặc không nên

2. Các vấn đề cơ bản kinh tế học

- Tại sao phải giải quyết ba vấn đề kinh tế cơ bản?

Do tài nguyên khan hiếm {

- * *Sản xuất cái gì*
- * *Sản xuất thế nào*
- * *Sản xuất cho ai*

- Ảnh hưởng của cơ chế kinh tế với việc phối hợp ra các quyết định lựa chọn kinh tế
 - * Cơ chế thị trường
 - * Cơ chế kế hoạch hóa tập trung
 - * Cơ chế hỗn hợp

3. Phương pháp, công cụ phân tích kinh tế

Phương pháp phân tích cân bằng, cận biên

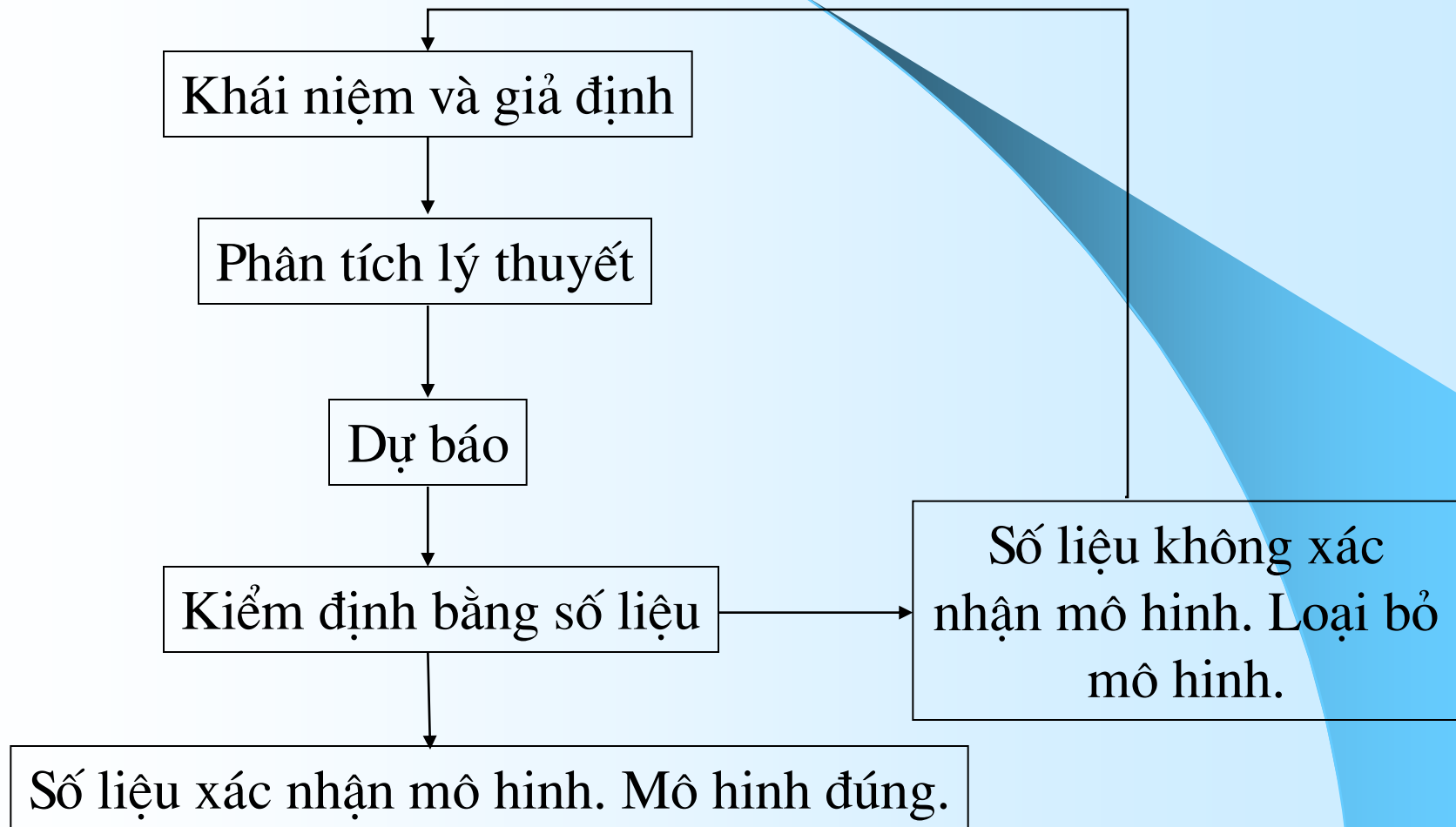
Xét một yếu tố thay đổi, các yếu tố khác cố định

Mô hình hóa, công cụ toán học để lượng hóa các qh ktế.

Số liệu gồm: Dãy số thời gian đo lường cùng 1 biến
Số liệu cụ thể, số liệu chéo, chỉ số
Biểu thị số liệu = bảng chỉ số
Đồ thị rải
Đường (độ dốc, hệ số cắt)

Mô hình: sự đơn giản hóa thực tế, giữ lại những yếu tố cơ bản

Xây dựng mô hình



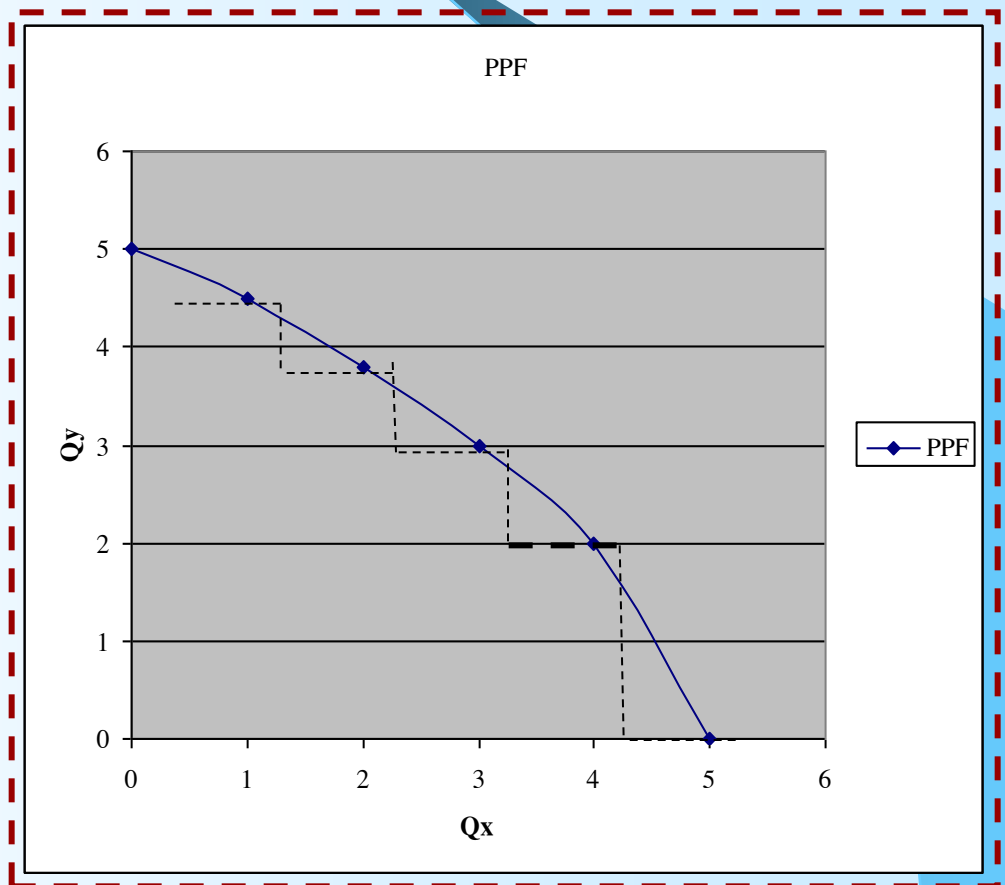
4. Lý thuyết lựa chọn kinh tế

4.1. Bản chất của sự lựa chọn, chi phí cơ hội tăng dần

Chi phí cơ hội là gì?

Q_X	Q_Y
5	0
4	2
3	3
2	3,8
1	4,5
0	5

Giới hạn khả năng sản xuất



4.1.1. Chi phí cơ hội tăng dần (OC opportunity cost)

Khái niệm: OC là cơ hội tốt nhất bị bỏ qua khi đưa ra một sự lựa chọn về kinh tế.

Ví dụ: 1 người có 1 tỷ tiền mặt có 2 p/a

Giữ tiền ở nhà or Gửi tiết kiệm NH

OC giữ tiền là 13 tr. gửi NH 1.3% 1 tháng = 13 triệu

Quy luật OC tăng dần: Để thu thêm 1 số lượng HH bằng nhau, xã hội ngày càng phải hy sinh nhiều hơn hàng hóa khác. QL này được mô tả qua đường giới hạn khả năng sản xuất (PPF)

Khả năng sản xuất PPF (trên đồ thị)

Khả năng sản xuất	Ngô (lương thực)	Vải (quần áo)
A	25	0
B	20	4
C	15	7
D	9	9
E	0	10

Khả năng A	25/0
Khả năng B	5/4
Khả năng C	5/3
Khả năng D	3 (6/2)
Khả năng E	9 (9/1)

- Đường cong ABCDE gọi là = (PPF), đặc điểm:
 - ABCDE là khả năng sản xuất 2 nhóm HH
- Minh họa OC, khi SX vải tăng dần, lượng ngô bị mất ngày một tăng hơn.

Bài tập ứng dụng

Các khả năng	Xe đạp // thức ăn	Xe máy // Q. áo
A // A1	40 // 300	0 // 0
B // B1	35 // 200	4 // 50
C // C1	30 // 100	6 // 100
D // D1	20 // 0	8 // 150
E // E1	0 // -	10 // -

- Vẽ đường giới hạn khả năng sản xuất các HH nói trên
- Xác định chi phí cơ hội? Nhận xét gì về 02 tập hợp HH (27 XĐ/8 XM) và (25 XĐ/6 XM)
- Xu hướng thay đổi chi phí cơ hội trong 2 bảng trên.

4.2.2. Quy luật khan hiếm và hiệu quả kinh tế

- + HH khan hiếm: khi con người tiêu dùng nhiều hơn họ phải từ bỏ cái khác, làm cho SP khan hiếm. Khi $P = 0$ cầu HH > cung sẵn có
- + HH miễn phí: Con người tiêu dùng mà không phải từ bỏ cái khác. Khi $P = 0$ cầu < cung rất nhiều
 - Nguyên nhân khan hiếm: nhu cầu tăng vô hạn và nguồn lực tài nguyên (RĐ, KK, trí tuệ) hữu hạn.
 - Giải quyết > < = giới hạn khả năng sản xuất PPF
- + Hiệu quả kinh tế = sự lựa chọn/từng nhà ra QĐ

4.2. Phương pháp lựa chọn

- Mục tiêu lựa chọn *Tối đa hóa lợi ích (B)*
Người tiêu dùng *Tối đa hóa lợi ích (U)*
Người sản xuất *Tối đa hóa lợi nhuận (π)*
Chính phủ *Tối đa hóa phúc lợi xã hội (NSB)*
- Quy tắc lựa chọn tối ưu: $MB = MC$

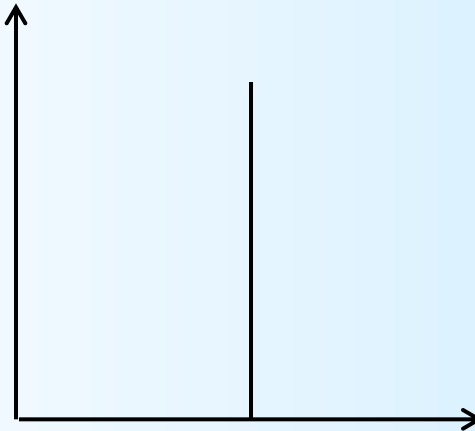
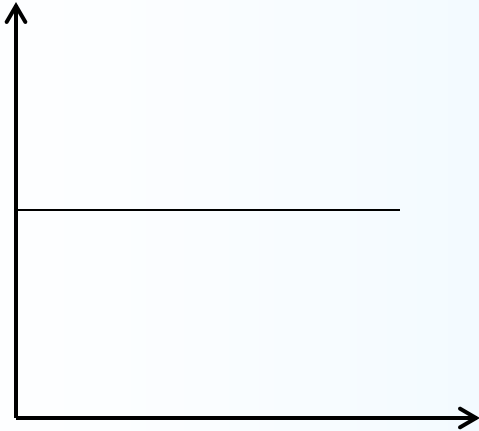
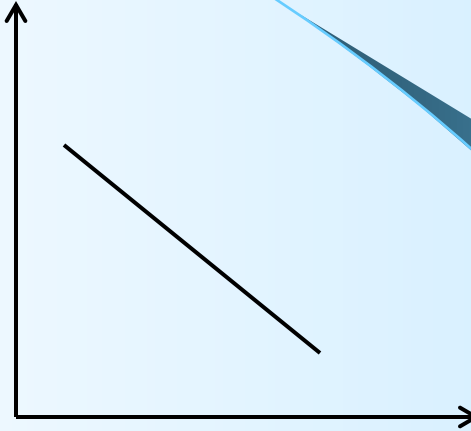
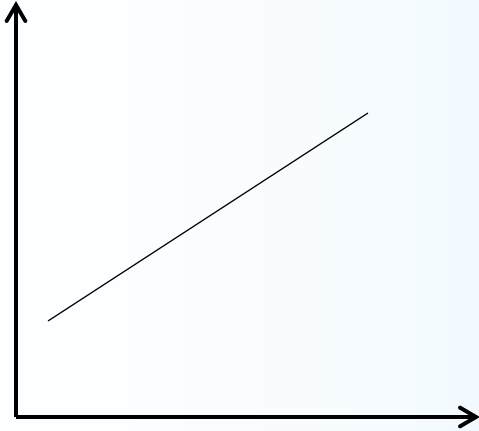
Lợi ích cận biên $MU = \Delta TU / \Delta Q =$ Chi phí cận biên $MC = \Delta TC / \Delta Q$

$MU > MC$ mở rộng mức độ hoạt động \rightarrow tăng B

$MU < MC$ thu hẹp mức độ hoạt động \rightarrow tăng B

$MU = MC$ mức độ hoạt động là tối ưu \rightarrow B tối đa

Các loại đồ thị trong kinh tế học



BT chi phí cơ hội, khả năng sản xuất

- Minh, Lan, Hồng dự kiến đi Đà Lạt. Nếu đi tàu hỏa mất 12h và đi máy bay mất 1h. Vé máy bay là 75\$, vé tàu hỏa là 31\$. Biết rằng, mỗi giờ lao động Minh kiếm được 3\$, Lan kiếm 4\$, Hồng kiếm 5\$. Tính chi phí cơ hội (OC) đi MB/TH cho mỗi người, ai sẽ lựa chọn đi phương tiện nào?

- Giả sử khả năng sản xuất của nền kinh tế chỉ sản xuất 2 loại HH là Ngô và Vải như sau:

Khả năng	A	B	C	D	E
Ngô	25	20	15	9	0
Vải	0	4	7	9	10

- Vẽ đường giới hạn k/n sx
- Tính chi phí cơ hội của sx vải? Và ngược lại?